TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 27/4/2023
V/v "Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn, cấp dưỡng, hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Minh Phượng;

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Ngọc Tuấn;

ông Nguyễn Hoàng Thám.

- ***Thư ký phiên tòa:*** ông Ngô Huỳnh Đức – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** ông Dương Quy Thái – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số 27/2022/TLPT-HNGĐ ngày 01/11/2022 về việc "Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn, tranh chấp về cấp dưỡng và hợp đồng vay tài sản", do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 140/2022/HNGĐ-ST ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2023/QĐ-PT ngày 09/01/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐ-PT ngày 07/02/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐ-PT ngày 02/3/2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 06/2023/QĐ-PT ngày 31/3/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Nguyễn Minh Trọng H, sinh năm 1979, vắng mặt;

Nơi cư trú: số 579/47, đường THĐ, khóm BĐ3, phường BĐ, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: ông Huỳnh Thảo L, sinh năm 1982; nơi cư trú: 119/2 BVD, phường MX, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (văn bản ủy quyền ngày 13/02/2023), vắng mặt.

- *Bị đơn:* bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1977, có mặt;

Nơi cư trú: số 65-67 đường NN, khóm BK5, phường BK, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà P: anh Nguyễn Minh Trọng N, sinh năm 2001; nơi cư trú: số 65-67 đường NN, khóm BK5, phường BK, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (văn bản ủy quyền ngày 24/02/2023), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Minh Lệ - Văn phòng luật sư Minh Phúc thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang; địa chỉ: Số 60/10B, khóm Đông Thạnh B, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* bà Hồ Thị T, sinh năm 1965, cư trú: số 217, đường TDT, khóm BK3, phường BK, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Người kháng cáo: bà Nguyễn Thị Kim P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Minh Trọng H trình bày:

Ông Nguyễn Minh Trọng H và bà Nguyễn Thị Kim P là vợ chồng, quá trình chung sống ông H và bà P có tạo dựng được tài sản chung là căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 144m^2; tọa lạc tại phường BK, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Năm 2014, ông H và bà P thuận tình ly hôn theo Quyết định số 283/2014/QĐST-HNGĐ, ngày 30/9/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên. Khi ly hôn, ông H và bà P thống nhất về tài sản chung và nợ chung sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về con chung, giao 02 con chung là Nguyễn Minh Trọng N, sinh ngày 26/01/2001 và Nguyễn Ngọc Kim Thảo, sinh ngày 08/7/2011 cho bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà P không yêu cầu.

Tuy nhiên, sau khi ly hôn giữa ông H và bà P không thống nhất được với nhau về việc phân chia tài sản chung và nợ chung nên ông H khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn là quyền sử dụng đất diện tích 144 m^2, số thửa 120, tờ bản đồ 50 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 04896 do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 27/11/2013 cho ông Nguyễn Minh Trọng H và bà Nguyễn Thị Kim P và căn nhà được xây dựng trên đất theo giấy phép xây dựng số 860/GPXD-UBND do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 14/5/2014 cho ông H và bà P, kèm bản vẽ xây dựng được phòng Quản lý đô thị thành phố Long Xuyên duyệt cấp phép số 607/2014, ngày 12/5/2014.

Về tài sản chung, ông H yêu cầu chia đôi và yêu cầu được nhận hiện vật là ½ căn nhà và đất. Nếu bà P yêu cầu nhận toàn bộ hiện vật thì ông H đồng ý nhận ½ giá trị của nhà và đất, đồng ý giao hiện vật cho bà P sinh sống cùng các con.

Về giá trị tài sản tranh chấp: ông H thống nhất theo Chứng thư thẩm định giá do Công ty cổ phần thẩm định giá BTCVALUE đã định, xác định giá trị tài sản tranh chấp là 3.436.000.000 đồng, nên không yêu cầu phải định giá lại.

Về chi phí tố tụng: ông H tự nguyện chịu, không yêu cầu xem xét.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng của bà Nguyễn Thị Kim P: Do khi ly hôn, bà P không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án ghi nhận là ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, nếu nay bà P có yêu cầu thì ông H đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung với mức 1.000.000 đồng/01 người con/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bà P có đơn yêu cầu phản tố đến khi các con trưởng thành và có khả năng lao động.

Đối với trình bày của bà P về việc ông có lập di chúc ngày 20/10/2014, nội dung ông tự nguyện để lại 50% quyền sử dụng đất là tài sản chung với bà P cho con gái Nguyễn Ngọc Kim Thảo, ông H xác định có việc lập di chúc. Tuy nhiên, do di chúc chưa phát sinh hiệu lực nên ông có quyền thay đổi bất cứ lúc nào và khi xét thấy cần thiết thì ông H sẽ cho con sau.

Đối với yêu cầu của bà Hồ Thị T về việc yêu cầu ông H liên đới trách nhiệm cùng bà P trả cho bà T số tiền 700.000.000 đồng, ông H không đồng ý, vì việc vay mượn tiền là giữa cá nhân bà P với bà T, biên nhận nợ ngày 20/7/2011 không có chữ ký của ông H, hơn nữa quá trình chung sống ông H hoàn toàn không được bà P thông báo về việc có vay tiền của bà T và cũng không tham gia các lần đi đóng lãi thay bà P như bà P và bà T trình bày, bà P cũng không sử dụng số tiền vay này vào nhu cầu thiết yếu trong gia đình nên trách nhiệm trả nợ cho bà T là của bà P, không liên quan đến ông H.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim P trình bày:

Bà thống nhất bà và ông H đã thuận tình ly hôn Quyết định số 283/2014/QĐST-HNGĐ, ngày 30/9/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên. Khi ly hôn giữa bà với ông H thống nhất về tài sản chung, nợ chung sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng 02 con chung, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà không yêu cầu. Lý do bà P đồng ý ly hôn và thống nhất các nội dung theo quyết định trên là vì ông H hứa không nhận tài sản chung và sẽ để lại cho con gái theo di chúc ngày 20/10/2014 của ông H. Nay, ông H không thực hiện như nội dung di chúc đã lập và yêu cầu chia đôi tài sản sau khi ly hôn là căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 144 m^2, số thửa 120, tờ bản đồ 50, tọa lạc tại phường BK, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 143626 (số vào sổ CH 04896) do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 27/11/2013 cho ông Nguyễn Minh Trọng H và bà Nguyễn Thị Kim P, thì bà P không đồng ý, vì: theo di chúc lập ngày 20/10/2014, ông H đồng ý để lại 50% quyền sử dụng đất trong khối tài sản chung của vợ chồng cho con gái nên nay ông H không có quyền yêu cầu chia. Hơn nữa, về nguồn gốc đất mà vợ chồng bà được cấp là do cha mẹ ruột bà P giúp đỡ để vợ chồng có nơi sinh sống; riêng căn nhà là do cá nhân bà P mượn tiền bên ngoài để xây dựng, ông H hoàn toàn không đóng góp công sức hay tiền bạc vì từ đầu năm 2014 thì bà và ông H đã sống ly thân, điều này còn được thể hiện qua bản vẽ xin phép xây dựng vào tháng 5/2014.

Ngoài ra, bà P yêu cầu phản tố: Yêu cầu ông Nguyễn Minh Trọng H phải

hoàn trả số tiền cấp dưỡng nuôi 02 con chung từ khi bà và ông H ly hôn (năm 2014) đến năm 2021 là 07 năm với số tiền 126.000.000 đồng (1.500.000 đồng/02 con chung/tháng). Yêu cầu ông H tiếp tục cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Ngọc Kim Thảo, sinh ngày 07/8/2011 đến khi cháu Thảo đủ 18 tuổi; yêu cầu ông H phải cấp dưỡng 01 lần, không đồng ý phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Đới với yêu cầu độc lập của bà Hồ Thị T: Bà P thừa nhận vào năm 2011 bà có vay của bà T số tiền 700.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 02%/tháng, khi vay có làm biên nhận tại nhà bà T. Mục đích vay để kinh doanh phục vụ cho cuộc sống gia đình, mua xe cho thuê; khi vay tiền bà P có báo cho ông H biết, mặc dù lúc lập biên nhận và nhận tiền không có ông H nhưng ông H từng thay mặt bà P đi đóng lãi hàng tháng tại nhà bà T. Tuy nhiên, do quen biết nên các bên không làm biên nhận khi trả lãi vì vậy bà P không thể cung cấp chứng cứ. Việc bà P vay tiền của bà T thì ông H biết vì vay tiền là để mua xe cho thuê kinh doanh trong nhà, hơn nữa thời điểm này bà và ông H vẫn còn chung sống hạnh phúc. Khi vay tiền, bà P có giao cho bà T giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH04896, số thửa 120, tờ bản đồ 50, diện tích 144 m^2, do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp cho ông Nguyễn Minh Trọng H và bà Nguyễn Thị Kim P ngày 27/11/2013 để làm tin, ông H biết việc này nhưng không ý kiến. Vì vậy, đối với số tiền 700.000.000 đồng còn nợ bà T theo biên nhận nợ ngày 20/7/2011, bà yêu cầu ông H liên đới trách nhiệm cùng bà trả cho bà T.

Về giá trị tài sản tranh chấp: Bà P thống nhất theo Chứng thư thẩm định giá do Công ty cổ phần thẩm định giá BTCVALUE đã định với tổng giá trị tài sản tranh chấp là 3.436.000.000 đồng, không yêu cầu phải định giá lại.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị T trình bày*:**

Do quen biết, ngày 20/7/2011 bà T có cho bà P vay số tiền 700.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 02%/tháng, khi vay các bên có lập biên nhận vào cùng ngày, biên nhận được ký kết giữa bên cho vay bà Hồ Thị T với bên vay bà Nguyễn Thị Kim P. Ngay sau khi lập biên nhận, tại nhà bà T, bà đã giao đủ số tiền 700.000.000 đồng cho bà P, khi giao tiền không có mặt ông H, bà P là người trực tiếp viết biên nhận, ký tên người vay và nhận tiền.

Quá trình thực hiện, bà P đóng lãi đều đặn hàng tháng theo mức lãi suất thỏa thuận 02%/tháng từ khi vay, nhưng do tin tưởng nên mỗi lần đóng lãi đều không lập biên nhận, đến tháng 6/2016 thì ngưng không đóng lãi cho đến nay. Trong những lần đóng lãi, có một số lần ông H là người trực tiếp đi đóng nhưng do các bên không viết biên nhận nên bà không có gì chứng minh việc ông H biết bà P vay tiền của bà. Mặc dù biên nhận không có ông H ký tên nhưng bà P vay tiền trong thời kỳ hôn nhân của bà P và ông H nên bà yêu cầu ông H và bà P phải liên đới trách nhiệm trả cho bà số tiền 700.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi theo quy định pháp luật từ tháng 7/2016 cho đến khi xét xử, bà đồng ý khấu trừ số tiền lãi vượt quá quy định mà bà P đã đóng từ khi vay (tháng 7/2011) cho đến khi ngưng đóng (tháng 6/2016) vào số tiền vốn còn nợ.

Bà T xác định bà P vay 700.000.000 đồng vào năm 2011 nhưng đến năm 2014 bà P mới giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 143626 (số vào sổ CH 04896) do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 27/11/2013 cho ông Nguyễn Minh Trọng H và bà Nguyễn Thị Kim P cho bà T giữ để làm tin và hiện bà vẫn còn giữ bản chính giấy chứng nhận này, nếu bà P và ông H trả tiền thì bà đồng ý trả lại bản chính giấy chứng nhận cho ông H và bà P.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 140/2022/HNGĐ-ST ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh Trọng H, về việc yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn đối với bà Nguyễn Thị Kim P.

Giao căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 144 m^2, số thửa 120, tờ bản đồ 50, tọa lạc tại phường BK, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 04896 do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 27/11/2013 cho ông Nguyễn Minh Trọng H và bà Nguyễn Thị Kim P, cho bà Nguyễn Thị Kim P tiếp tục quản lý, sử dụng. Căn nhà được xây dựng với cấu trúc và diện tích cụ thể: nền láng xi măng + gạch men, vách gạch, khung bê tông cốt thép, sàn lửng trãi vỉ sắt, lót gạch men, mái tole; với tổng diện tích sử dụng nhà là 183,1 m^2 (theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21/4/2022).

Bà Nguyễn Thị Kim P có trách nhiệm trả lại cho ông H ½ giá trị tài sản chung, với số tiền là 1.718.000.000 đồng (một tỷ bảy trăm mười tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bà Nguyễn Thị Kim P có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục sang tên tài sản được nhận theo quy định.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Kim P. Bà P có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị T đối với bà Nguyễn Thị Kim P. Buộc bà Nguyễn Thị Kim P có trách nghiệm trả cho bà Hồ Thị T số tiền 612.911.250 đồng (sáu trăm mười hai triệu chín trăm mười một nghìn hai trăm năm mươi đồng), trong đó: vốn 338.625.000 đồng (ba trăm ba mươi tám triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng), lãi 274.286.250 đồng (hai trăm bảy mươi bốn triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Không chấp nhận đối với yêu cầu của bà Hồ Thị T về việc buộc ông Nguyễn Minh Trọng H liên đới cùng bà P trả nợ.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất, chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/9/2022 bà P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét theo hướng chia phần đất cho ông H 50%, còn giá trị căn nhà không chia, ông H phải trả nợ chung và cấp dưỡng nuôi con 01 lần.

Tại phiên tòa phúc thẩm: bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét phân chia lại phần đất 144m^2, vì sau khi ly hôn bà phải nuôi 02 con ăn học, ông H không cấp dưỡng nuôi con, cũng không phụ giúp tiền và chăm sóc 02 con.

Ngày 01/3/2023 ông Nguyễn Minh Trọng N có đơn yêu cầu hoãn phiên tòa xin thẩm định lại giá tài sản tranh chấp. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông N đã rút lại yêu cầu này.

Bà P trình bày: khi nhận chuyển nhượng phần đất 144m^2 thì cha mẹ bà có giúp đỡ một khoản tiền nhưng không nhớ bao nhiêu. Khoảng cuối năm 2013 bà và ông H ly thân do ông H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, từ đó ông H không về nhà. Để bà và các con có chỗ ở bà phải vay tiền của anh chị em và bên ngoài để cất nhà trên phần đất 144m^2, trong thời gian cất nhà ông H cũng không về nhà, không đóng góp tiền, cũng không giúp bà trông coi việc xây dựng nhà. Bà là người xin phép xây dựng, trả tiền vật tư, công thợ để xây nhà. Đối với số tiền nợ 700.000.000đ của bà T, bà sử dụng một phần vào việc kinh doanh trứng gia cầm, một phần mua xe ô tô cho ông H lái thuê và mua bán xe; ông H có mua xe ô tô của ông, bà Lâm L1, Hồ Đức H1 giao cho ông H quản lý, bà đã chuyển 500.000.000đ qua ngân hàng cho người nhà của ông Hồ Đức H1 nhận. Khi bà và ông H ly hôn thì có thỏa thuận bà sẽ trả toàn bộ số nợ chung, ông H sẽ để lại cho bà ½ phần đất 144m^2, còn ½ ông H lập di chúc để lại cho con gái. Từ khi ly hôn bà nuôi hai con ăn học, ông H không về nhà không giúp bà chăm sóc con hoặc phụ tiền cho con ăn học, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Tại phiên tòa ngày 31/3/2023 bà T trình bày: bà cho bà P vay 700.000.000đ mục đích là để bà P mua xe ô tô cho ông H chạy, ông H có nhiều lần đến nhà bà để đóng lãi, ông H biết việc bà P vay tiền, đây là nợ chung, yêu cầu ông H, bà P cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà.

Tranh luận:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn phát biểu quan điểm:

Ông H, bà P được Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp quyền sử dụng đất ngày 27/11/2013 diện tích 144m^2, đây là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Sau khi được cấp quyền sử dụng đất thì ông H vẫn lái xe không về nhà, đến tháng 07/2014 ông H nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên. Khi ông H bỏ đi thì do không có chỗ ở nên bà P xin phép xây dựng nhà, nguồn tiền cất nhà do bên gia đình bà P giúp đỡ. Sau khi cất nhà có nhiều người đòi nợ nên ông H thỏa thuận về tài sản chung bằng việc ông H làm tờ di chúc để lại 50% quyền sử dụng đất cho con, bà P là người trả các khoản nợ chung vợ chồng. Căn nhà được xây dựng trong quá trình ly hôn đến

nay chưa được cấp quyền sở hữu, nguồn tiền xây nhà do bà P vay mượn, cấp sơ thẩm căn cứ vào giấy phép xây dựng cho rằng là tài sản chung là do giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho ông H, bà P, ông H cho rằng bán 04 chiếc xe để xây nhà là không có căn cứ.

Về số nợ bà P vay của bà T năm 2011, mục đích bà P vay tiền bà T một phần để bà P kinh doanh, một phần mua xe ô tô cho ông H lái. Hiện nay bà P còn giữ 02 tài liệu chứng cứ thể hiện năm 2012 ông H mua 02 chiếc xe ô tô của bà Lâm L1, ông Hồ Đức H1. Trong 700.000.000đ bà P chuyển tiền mua xe 500.000.000đ. Hai chiếc xe do ông H quản lý, ông H bán hay chưa thì không biết. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông H trả cho bà T 500.000.000đ, buộc bà P trả cho bà T 200.000.000đ. Đề nghị có xem xét công sức của bà P trong việc tạo lập khối tài sản chung, từ khi ly hôn đến nay bà P một mình nuôi 02 con, ông H không cấp dưỡng, khi chia tài sản chung có xem xét để đảm bảo quyền lợi cho bà P và các con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: bị đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong hạn luật định nên được Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thụ lý giải quyết đúng quy định. Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bà P, sửa án sơ thẩm, chia cho bà P được hưởng 08/10 giá trị căn nhà, ông H được hưởng 02/10 giá trị căn nhà; chia cho bà P được hưởng 07/10 giá trị quyền sử dụng đất, chia cho ông H được hưởng 03/10 giá trị quyền sử dụng đất. Buộc ông H, bà P trả cho bà T 612.911.250đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả trang tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: bị đơn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, nhận được bản án ngày 06/9/2022, kháng cáo ngày 06/9/2022 và nộp tạm ứng án phí trong thời hạn luật định nên được chấp nhận giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà P:

[2.1] Về cấp dưỡng nuôi con: bà P yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung từ khi ly hôn năm 2014 đến năm 2021 (07 năm) với số tiền 126.000.000đ. Yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Ngọc Kim Thảo sinh ngày 07/8/2011 đến khi đủ 18 tuổi. Xét thấy: tại cấp sơ thẩm bà P đã được triệu tập đến phiên tòa 02 lần bằng thủ tục niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa (BL 482-485, 496-499), nhưng bà P vẫn vắng mặt xem như bà từ bỏ yêu cầu, nên cấp sơ thẩm căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đình chỉ yêu cầu của bà P là có căn cứ. Bà P kháng

cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nên không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu chia tài sản chung:

⁎ Đối với phần đất 144m^2: ông H bà P được Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp quyền sử dụng phần đất 144m^2, thửa 120, tờ bản đồ 50 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 04896 ngày 27/11/2013, tại phường BK, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Về nguồn gốc phần đất này bà P cho rằng là do cha mẹ bà giúp đỡ để vợ chồng có nơi sinh sống. Tuy nhiên, căn cứ vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cấp phúc thẩm thu thập, thì nguồn gốc phần đất 144m^2 ông H, bà P nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Đặng Lập Phương vào ngày 14/11/2013. Bà P cho rằng nguồn gốc đất là do cha mẹ bà giúp đỡ để vợ chồng có nơi sinh sống nhưng không có chứng cứ chứng minh. Như vậy, phần đất 144m^2 là tài sản chung của ông H, bà P tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, ông H yêu cầu chia là có căn cứ.

Về công sức đóng góp tạo nên phần đất 144m^2 thì ông H, bà P có công sức ngang nhau. Tuy nhiên, có xem xét đến điều kiện hoàn cảnh của bà P như: sau khi ly hôn bà P phải nuôi 02 con chưa thành niên còn trong độ tuổi đi học là cháu Nguyễn Minh Trọng N, sinh ngày 26/01/2001 và cháu Nguyễn Ngọc Kim Thảo sinh ngày 08/7/2011. Từ năm 2014 đến nay ông H không cấp dưỡng nuôi con cũng không chăm sóc, giáo dục các con cho thấy ông chưa làm tròn trách nhiệm của người cha mà bỏ mặc nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con cho một mình bà P. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà P và con chưa thành niên, con đã thành niên còn đang đi học, không có tài sản để tự nuôi mình, căn cứ Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm đối với tài sản chung là phần đất 144m^2, chia cho bà P 70% giá trị quyền sử dụng đất, chia cho ông H 30% giá trị quyền sử dụng đất. Cấp sơ thẩm chưa xem xét đến các yêu tố trên mà chia đôi phần đất 144m^2 cho ông H, bà P là chưa phù hợp.

Theo Chứng thư thẩm định giá của Công ty Cổ phần thẩm định giá BTCVALUE, thì quyền sử dụng đất 144m^2 có giá 2.836.800.000đ, bà P được chia 70% giá trị QSDĐ bằng 1.985.760.000đ, ông H được chia 30% giá trị QSDĐ bằng 851.040.000đ. Hiện nay bà P đang quản lý phần đất nên phải hoàn lại cho ông H 851.040.000đ.

Ngày 20/10/2014 ông H đã lập di chúc để lại 50% quyền sử dụng đất của ông H trong khối tài sản chung của vợ chồng cho con gái là Nguyễn Ngọc Kim Thảo, di chúc này chưa có hiệu lực nên ông H thay đổi di chúc, yêu cầu chia tài sản chung là phù hợp với quy định của luật pháp luật.

⁎ Đối với căn nhà trên phần đất 144m^2:

Về nguồn tiền xây dựng nên căn nhà trên thì quá trình giải quyết vụ án ông H cho rằng tiền xây nhà là do ông bán 04 chiếc xe ô tô. Còn bà P thì cho rằng do cá nhân bà mượn tiền bên ngoài xây dựng, ông H không đóng góp tiền hay công sức vì từ cuối năm 2013 bà và ông H đã sống ly thân; hơn nữa, ông H lập di chúc ngày 20/10/2014 đồng ý để lại phần tài sản của ông H trong khối tài sản

chung của vợ chồng cho con gái nên bà không đồng ý chia.

Xét thấy, theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 17/7/2014 và đơn tự khai ngày 17/7/2014 của ông H trong hồ sơ ly hôn với bà P (do cấp phúc thẩm thu thập từ Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên) thì ông H trình bày ông và bà P đã sống ly thân với nhau một thời gian dài và không thể hàn gắn. Như vậy, bà P trình bày bà và ông H ly thân từ cuối năm 2013 là phù hợp với lời trình bày của ông H tại đơn xin ly hôn và khi bà P tiến hành xây dựng nhà thì ông H không có ở nhà. Ngoài ra, theo bản vẽ xin phép xây dựng nhà được duyệt ngày 12/5/2014 thì chủ đầu tư chỉ có một mình bà P, việc bà P trình bày trong thời gian bà xây nhà ông H không đóng góp công sức là có cơ sở, ông H cho rằng nguồn tiền xây dựng nhà là do ông bán 04 chiếc xe ôtô nhưng không có chứng cứ chứng minh. Tuy nhiên, vào thời gian xây dựng nhà thì bà P, ông H chưa ly hôn, không có căn cứ cho rằng căn nhà là tài sản riêng của bà P, nên là tài sản chung của ông H, bà P. Như đã nhận định ở trên, bà P là người đóng góp công sức phần lớn để hình thành căn nhà, nên chia cho bà P 80%, chia cho ông H 20% giá trị căn nhà.

Theo Giấy phép xây dựng ngày 14/5/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên, thì tổng diện tích nhà bà P, ông H được cấp phép xây dựng là 216m^2, nhưng theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/4/2022 (BL 447-449) thì diện tích thực tế căn nhà là 183,1m^2, giảm 32,9m^2 nhưng cấp sơ thẩm vẫn xác định diện tích căn nhà là 216m^2 là không chính xác. Như vậy, căn nhà diện tích thực tế là 183,1m^2 x 3.082.000đ/m^2 x 90% = 507.883.000đ. Ông H được chia 20% bằng 101.577.000đ, bà P được chia 80% bằng 406.306.000đ. Giao căn nhà cho bà P quản lý, sử dụng, bà P phải có nghĩa vụ hoàn lại cho ông H 101.577.000đ.

Tổng cộng bà P phải hoàn lại cho ông H 851.040.000đ + 101.577.000đ = 952.617.000đ.

[2.3] Về số nợ bà Nguyễn Thị T1:

Bà T và bà P thống nhất năm 2011 bà T có cho bà P vay số tiền 700.000.000đ, lãi suất 2%/tháng, bà P có viết biên nhận ngày 20/7/2011, biên nhận này chỉ có bà P ký tên. Bà P cho rằng vay tiền của bà T một phần bà dùng để kinh doanh trứng gia cầm, một phần mua xe ô tô cho ông H lái kinh doanh; ông H không thừa nhận nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên, hồ sơ thể hiện ngày 17/6/2012 ông H có mua của ông Nguyễn Thanh Dũng 01 chiếc xe ô tô hiệu Huyndai 30 chỗ do bà Trần Thị Phận đứng tên giá 230.000.000đ; ngày 31/10/2012 ông H mua của ông Hồ Đức H1 và ông Lâm L1 có địa chỉ tại thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu 01 chiếc xe ô tô hiệu Samco giá 280.000.000đ (BL 341-4345). Hai chiếc xe ô tô này được mua sau thời gian bà P vay tiền của bà T và chính bà P là người chuyển 500.000.000đ vào tài khoản của ông Hồ Hán Nghĩa (bà P cho rằng là người thân của ông Hồ Đức H1) được mở tại Ngân hàng MHB chi nhánh Bạc Liêu - Phòng giao dịch Trần Phú vào ngày 29/10/2012 (theo giấy nộp tiền ngày 29/10/2012 do bà P cung cấp).

Như vậy, lời khai của bà P phù hợp với các chứng cứ và thời gian chuyển tiền nêu trên, bà P cho rằng vay tiền của bà T để mua xe ô tô cho ông H lái kinh

doanh là có căn cứ. Do đó, xác định số tiền 700.000.000đ vay của bà T là nợ chung của ông H, bà P trong thời kỳ hôn nhân nên ông, bà phải cùng có trách nhiệm trả cho bà T. Hai chiếc xe trên theo lời khai của bà P thì do ông H quản lý, hiện nay ông H còn giữ hay đã bán thì bà không biết. Cấp sơ thẩm chỉ buộc bà P trả nợ cho bà T mà không buộc ông H cùng liên đới trả nợ là làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà P và bà T. Do đó, Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm về phần nợ chung, buộc bà P, ông H phải trả cho bà T 612.911.250 đồng (cấp sơ thẩm đã khấu trừ lãi suất vượt quy định vào vốn gốc).

[3] Vê án phí sơ thẩm:

Bà P, ông H phải chịu án phí chia tài sản chung, sau khi trừ đi nghĩa vụ phải thực hiện với bà T, cụ thể:

- Ông H phải chịu 29.846.000đ.

- Bà P phải chịu 73.712.000đ.

Bà P, ông H phải liên đới chịu án phí đối với nghĩa vụ trả nợ cho bà T là 28.516.000đ.

[4] Về án phí phúc thẩm: bà P không phải chịu, được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm b khoản 7 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim P

Sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 140/2022/HNGĐ-ST ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh Trọng H, về việc yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn đối với bà Nguyễn Thị Kim P.

Xác định tài sản chung của ông H, bà P gồm diện tích đất 144m^2 và căn nhà trên đất tọa lạc tại phường BK, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Bà P được quyền sử dụng phần đất diện tích 144m^2, thuộc thửa 120, tờ bản đồ 50, loại đất ở đô thị, tọa lạc tại phường BK, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 04896 do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 27/11/2013 cho ông Nguyễn Minh Trọng H và bà Nguyễn Thị Kim P và được quyền sở hữu căn nhà trên phần đất 144m^2 cấu trúc: nền láng xi măng + gạch men, vách gạch, khung bê tông cốt thép, sàn lửng trãi vỉ sắt, lót gạch men, mái tole; với tổng diện tích sử dụng nhà là 183,1 m^2 (theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21/4/2022).

Bà Nguyễn Thị Kim P có trách nhiệm hoàn lại cho ông H giá trị tài sản chung số tiền là 952.617.000đ (chín trăm năm mươi hai triệu sáu trăm mười bảy nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Kim P được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật sau khi thực hiện xong nghĩa vụ đối với ông H.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Kim P về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Bà P có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị T đối với bà Nguyễn Thị Kim P và ông Nguyễn Minh Trọng H.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim P và ông Nguyễn Minh Trọng H phải liên đới trả cho bà Hồ Thị T số tiền 612.911.250 đồng (sáu trăm mười hai triệu chín trăm mười một nghìn hai trăm năm mươi đồng) (trong đó: vốn 338.625.000 đồng lãi 274.286.250 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bà Hồ Thị T có trách nhiệm trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH04896, số thửa 120, tờ bản đồ số 50, diện tích 144m^2, do UBND thành phố Long Xuyên cấp ngày 29/11/2013 cho bà Nguyễn Thị Kim P.

4. Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí tố tụng là 22.440.000 đồng (hai mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng), ông H tự nguyện chịu tất cả các chi phí này (ông H đã nộp xong).

5. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Minh Trọng H phải chịu 29.846.000đ, khấu trừ vào 12.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017777, ngày 20/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Ông H còn phải nộp thêm 17.846.000đ (mười bảy triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Thị Kim P phải chịu 73.712.000đ.

- Bà P, ông H phải liên đới chịu án phí đối với nghĩa vụ trả tiền cho bà T là 28.516.000đ

- Bà Hồ Thị T được nhận lại 16.000.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003785, ngày 20/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

6. Về án phí phúc thẩm: bà P được nhận lại 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0001650 ngày 08/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự

thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. HCM (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- TAND TP. Long Xuyên (1);
- Chi cục THADS TP. Long Xuyên (1);
- Phòng KTNV & THA tỉnh (1);
- Đương sự (5);
- Lưu: Tòa, Văn phòng, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Phượng